

I. 連一連 Match
lián yī lián

A. 你 好 ni hǎo •

• 什麼

你 好 shēn me •

• 你好

名字 míng zì •

• 名字

B. 陳 心 美 Chén xīn měi •

陳心美

• 
Devin Li

李 大 文 Lǐ dà wén •

李大文

• 
Tony Lin

林 東 明 Lín dōng míng •

林東明

• 
May Chen

II. 填一填 Fill in the blanks with the correct vocabulary words.
tián yī tián

林東明

Lín dōng míng

李大文

Lǐ dà wén

陳心美

Chén xīn měi

 我叫_____。

 我叫_____。

 我叫_____。